TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 18/3/2025.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Nguyễn Văn An;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1971–có mặt;
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1978 – có mặt.
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và chị N chung sống với nhau vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà riêng tại ấp B, xã Đ, huyện Trảng Bàng (nay thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, kinh tế tự chủ ai làm nấy sử dụng nên thường xuyên cãi nhau. vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Từ khi ly thân, anh và chị N không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay anh yêu cầu được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Thị N1, sinh ngày 26-9-2012 hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe máy hiệu Future khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Chị N thống nhất với lời trình bày của anh B về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn thì theo chị vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh Bụng là người lo làm ăn nhưng khi uống rượu sai thì la mắn vợ con, suy nghĩ tiêu cực và bỏ nhà đi vài ngày rồi về chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nay chị không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ vì còn thương anh B và thương con, vợ chồng không có ly thân sinh hoạt thường ngày và sử dụng kinh tế gia đình chung với nhau. Nếu trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì con chị nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xem xét quyết định:

Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Nguyễn Văn B đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Về con chung: không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị N chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên gây cãi nhau, ngoài ra không có nguyên nhân mâu thuẫn nào khác, anh B xác nhận tuy đã ly thân nhưng hiện tại vợ chồng anh B và chị N vẫn đang sống chung nhà với nhau, vợ chồng sinh hoạt thường ngày và sử dụng kinh tế gia đình chung với nhau và anh B xin ly hôn, chị N xin đoàn tụ, Như vậy, lời trình bày của anh B là không có cơ sở để chấp nhận. Qua xác minh tại địa phương không thể hiện được nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh B và chị N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Bụng và chị Nhanh chưa đến mức trầm trọng đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn có thể đạt được và khả năng đoàn tụ giữa anh B và chị N vẫn còn nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị N.

[3] Về con chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B nên không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 xe máy hiệu Future khi ly hôn anh Bụng, chị Nhanh không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: anh B, chị N trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: anh Bụng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn B đối với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

2. Về con chung: không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

5. Án phí: anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000372 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh B đã nộp đủ án phí.

6. Anh B, chị N có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Hảnh